TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**COÄNG HOØA XAÕ HOÄI CHUÛ NGHÓA VIEÄT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 01-02-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 489/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:
1. Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1984 (Vắng mặt).
2. Ông Trần Văn T (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Khóm 3, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 15/03/2020, bà Nguyễn Thị L có vay của ông số tiền 24.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Khi vay tiền bà Nguyễn Thị L có ký tên biên nhận nợ, hẹn đến ngày 15/4/2020 thanh toán. Đến ngày 05/01/2021 Bà Nguyễn Thị L trả 200.000 đồng, ngày 26/02/2021 trả 1.200.000 đồng, đối trừ số tiền đã thanh toán, bà Nguyễn Thị L còn nợ ông 22.600.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông 22.600.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/03/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T hiện là vợ, chồng, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ cùng với bà Nguyễn Thị L trả cho ông số nợ và lãi suất trên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn T vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T yêu cầu trả tiền nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông Nguyễn Việt S với bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2].Về nội dung:

- Ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông số tiền nợ là 22.600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, ông S có cung cấp cho Tòa giấy biên nhận nợ ngày 15/03/2020 bà Nguyễn Thị L có ký tên vào biên nhận nợ. Nội dung biên nhận, bà Nguyễn Thị L có vay của ông S số tiền 24.000.000 đồng. Đối với bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn T không có ý kiến gì về việc yêu cầu của ông S và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của ông S. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông S thừa nhận bà Nguyễn Thị L có trả cho ông 02 lần với số tiền 1.400.000 đồng, số tiền này được đối trừ vào nợ vay.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông Nguyễn Việt S, buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ vay 22.600.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi suất: Tại biên nhận ngày 15/03/2020, có quy định thời hạn thanh toán là ngày 15/4/2020. Ông S cho rằng từ ngày 15/04/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Liểu không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Như vậy, bà Liểu đã vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 10/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/02/2023. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Việt S buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 22.600.000 đồng theo mức lãi suất quy định của Pháp luật tính từ ngày 15/03/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông S và bà Nguyễn Thị L có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định được mức lãi suất thỏa thuận cụ thể là bao nhiêu, nên cần áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự như sau:

Do các bên không xác định được mức lãi suất thỏa thuận nên áp dụng mức lãi suất 50% của mức lãi suất 20%/năm =10%/năm (0,83%/tháng, 0,028%/ngày).

- Số tiền lãi của khoản vay 22.600.000 đồng từ ngày 15/3/2020 đến 01/02/2023 là 02 năm 10 tháng 16 ngày.

(22.600.000đ x 02 năm x 20% + 22.600.000đ x 10 tháng x 0,83% + 22.600.000đ x 16 ngày x 0,028% = 6.502.402 đồng).

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 29.102.402 đồng.

Tại biên nhận nợ ngày 15/03/2020 chỉ có bà Nguyễn Thị L ký tên nhận nợ vay, tuy nhiên đến ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T vẫn còn là vợ chồng. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Việt S buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 29.102.402 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt S nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S

số tiền 29.102.402 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm lẽ hai nghìn bốn trăm lẽ hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 22.600.000 đồng, nợ lãi 6.502.402 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.455.120 đồng.

Ông Nguyễn Việt S không phải chịu án phí, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 565.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018261 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Ông S được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.455.120 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình